

Bản án số: 105/2024/HNGĐ-ST

Ngày: 09/8/2024

V/v: Tranh chấp Ly hôn, nuôi con chung

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN TỈNH THANH HOÁ

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Trương Thị Anh

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Bùi Thế Huệ

Bà Nguyễn Thị Hương.

- Thư ký ghi biên bản phiên tòa: Bà Trịnh Thu Trang - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Thanh Hóa.

- Đại diện VKSND tỉnh Thanh Hoá tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thanh T- Kiểm sát viên.

Ngày 09 tháng 8 năm 2024, tại Trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Thanh Hoá xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số 32/2024/HNGĐST ngày 29 tháng 02 năm 2024 về việc “Ly hôn, tranh chấp nuôi con khi ly hôn”. Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 72/2024/QĐ-ST ngày 28/6/2024 và Quyết định hoãn phiên tòa số 75/2024/QĐ-ST ngày 22/7/2024, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Hoàng Thị T1

Địa chỉ: Thôn H, xã T, huyện T, tỉnh Thanh Hóa (Có đơn xin xét xử vắng mặt)

Bị đơn: Anh Lê Hữu B năm 1991

Địa chỉ trước khi xuất cảnh: Thôn F, xã H, huyện H, tỉnh Thanh Hóa

Nơi ở hiện nay: Nhật Bản. (Vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 29/01/2024, bản tự khai và các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, nguyên đơn là chị Hoàng Thị T1 trình bày:

Về hôn nhân: Chị và anh **Lê Hữu B1** quen biết nhau khi cả hai đang sinh sống tại tỉnh Bình Dương. Sau thời gian 05 năm tìm hiểu, anh chị kết hôn với nhau trên cơ sở tự nguyện, có tổ chức cưới hỏi theo phong tục địa phương và đăng ký kết hôn ngày 11/01/2013 tại Ủy ban nhân dân (UBND) xã T, huyện T, tỉnh Thanh Hóa. Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống hòa thuận, hạnh phúc được một thời gian ngắn, đến ngày 25/7/2013 chị Bình sinh con. Trong thời gian chị

nghỉ sinh con thì vợ chồng phát sinh mâu thuẫn, đến năm 2014 anh chị sống ly thân. Trong thời gian sống ly thân, anh B2 xuất khẩu lao động tại Nhật Bản. Vì thương con nên chị tiếp tục cho anh B3 hội, nhưng anh B4 có ý định hàn gắn với chị. Hiện tại anh B5 sinh sống tại Nhật Bản, nhiều lần chị nhắn tin đề nghị anh B6 nước để giải quyết việc hôn nhân nhưng anh B7 tình không về, sau đó thì cắt đứt liên lạc. Hiện tại vợ chồng sống ly thân không ai quan tâm đến ai. Nay chị xét thấy tình cảm vợ chồng không còn, đời sống hôn nhân không thể tiếp tục kéo dài được nữa, nên chị đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn anh Lê Hữu B1.

Về con chung: Chị Hoàng Thị T1 và anh Lê Hữu B1 có 01 con chung là cháu Lê Hữu B8, sinh ngày 25/7/2013. Nay ly hôn nguyện vọng của chị T1 được trực tiếp nuôi con, không yêu cầu anh B cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị.

Về tài sản, công nợ chung: Chị Hoàng Thị T1 không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Chị T1 trình bày không biết địa chỉ cụ thể tại Nhật Bản của anh Lê Hữu B1 nên không thể cung cấp cho Tòa án. Anh B vẫn thường xuyên liên lạc với bố mẹ đẻ là ông Lê Hữu S bà Lê Thị S1, thường trú tại thôn F xã H, huyện H, tỉnh Thanh Hóa. Đề nghị Tòa án tiến hành thu thập thêm thông tin từ bố mẹ đẻ của anh B.

Tại Biên bản làm việc ngày 18/6/2024 của Tòa án nhân dân tỉnh Thanh Hóa, mẹ đẻ của anh B là bà Lê Thị S1 trình bày:

Chị Hoàng Thị T1 và anh Lê Hữu B1 kết hôn với nhau trên cơ sở tự nguyện, có tổ chức cưới hỏi theo phong tục địa phương và đăng ký kết hôn tại UBND xã T, tỉnh Thanh Hóa ngày 11/01/2013. Sau khi kết hôn, chị T1 và anh B sinh sống cùng gia đình chồng tại thôn F, xã H, huyện H 2014 anh B đi xuất khẩu lao động tại Nhật Bản. Thời gian anh B ở nước ngoài, bà vẫn thường xuyên liên lạc với anh B qua điện thoại, tuy nhiên bà không biết chính xác địa chỉ tại Nhật Bản của anh B. Nay chị T1 có đơn ly hôn với anh B, bà không có ý kiến gì vì đó là việc riêng của anh chị.

Tòa án nhân dân tỉnh Thanh Hóa đã tổng đạt Thông báo thụ lý cùng các văn bản tố tụng của Tòa án cho bà Lê Thị S1. Bà S1 đã ký nhận toàn bộ các văn bản và cam kết sẽ có trách nhiệm thông báo ngay cho anh B.

Quan điểm của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Thanh Hóa tại phiên tòa:

Về tố tụng: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký và những người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án đã thực hiện đúng và đầy đủ quyền và nghĩa vụ theo quy định pháp luật tố tụng dân sự.

Quan điểm về việc giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ các Điều 56, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình, xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chị Hoàng Thị T1; Cho chị T1 được ly hôn với anh Lê Hữu B9 con chung: Giao cháu Lê Hữu B8 cho chị T1 trực tiếp nuôi dưỡng. Anh B không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản: Đương sự không yêu cầu nên không giải quyết.

Về án phí: Chị Hoàng Thị T1 phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về thủ tục tố tụng:

[1.1]. Về thẩm quyền của Tòa án:

Nguyên đơn chị Hoàng Thị T1 có hộ khẩu thường trú tại xã T, huyện T, tỉnh Thanh Hóa; Bị đơn anh **Lê Hữu B1** đăng ký hộ khẩu tại thôn F, xã H, huyện H, tỉnh Thanh Hóa, hiện nay đang sinh sống tại Nhật Bản.

Trong quá trình xem xét thụ lý vụ án, Cục QBộ Có văn bản số 3214/QLXNC-P3 ngày 07/02/2024 trả lời Công văn số 16/CV-TA ngày 31/01/2024 của Tòa án nhân dân tỉnh Thanh Hóa, với nội dung: anh **Lê Hữu B1**, sinh ngày 06/12/1991, đã xuất cảnh ngày 17/7/2018, hiện chưa có thông tin nhập cảnh về nước.

Do trong vụ án có bị đơn có hộ khẩu thường trú tại tỉnh Thanh Hóa, hiện đang cư trú ở nước ngoài, căn cứ khoản 1 Điều 28; khoản 3 Điều 35; điểm c khoản 1 Điều 37 Bộ luật tố tụng dân sự vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân tỉnh Thanh Hóa.

[1.2]. Về việc tổng đạt các văn bản tố tụng cho bị đơn:

Về địa chỉ cụ thể của anh B tại Nhật Bản hiện nay, chị T1 không cung cấp được. Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án đã tiến hành niêm yết công khai Thông báo Thụ lý vụ án và các văn bản tố tụng tại địa phương nơi cư trú cuối cùng của anh B (Xã H, huyện H, tỉnh Thanh Hóa); Đồng thời tiến hành lấy lời khai mẹ đẻ của anh B là bà Lê Thị S1 để làm rõ mối quan hệ hôn nhân giữa anh B và chị T1. Bà S1 cho biết anh B vẫn liên lạc với gia đình thường xuyên, nhưng không cung cấp được địa chỉ cụ thể của anh B tại Nhật Bản, do đó Tòa án cấp sơ thẩm giải quyết vắng mặt bị đơn (theo hướng dẫn tại công văn số 253/TANDTC-PC ngày 26 tháng 11 năm 2018 về việc “Giải quyết vụ án ly hôn có bị đơn là người Việt Nam ở nước ngoài nhưng không rõ địa chỉ”).

[1.3]. Về sự vắng mặt của đương sự:

Tại phiên tòa, nguyên đơn chị Hoàng Thị T1 vắng mặt, và có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt. Bị đơn anh **Lê Hữu B1** đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ và niêm yết văn bản tố tụng hai lần nhưng vắng mặt. Do đó, Hội đồng xét xử căn cứ vào khoản 1 Điều 228; điểm b khoản 2 Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự, xét xử vắng mặt các đương sự là phù hợp.

[2]. Về nội dung:

[2.1]. Về hôn nhân: Chị Hoàng Thị T1 và anh **Lê Hữu B1** kết hôn trên cơ sở tự nguyện; có đăng ký kết hôn ngày 11/01/2013 tại **UBND xã T**, tỉnh Thanh Hóa là hôn nhân hợp pháp.

Trong lời khai và các tài liệu gửi đến Tòa án, chị T1 trình bày sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống hạnh phúc được một thời gian ngắn thì phát sinh mâu thuẫn, sống ly thân từ năm 2014 cho đến nay. Chị T1 đã nhiều lần muốn hàn gắn nhưng không thành.

Theo quy định của pháp luật Hôn nhân và gia đình Việt Nam thì vợ chồng có nghĩa vụ thương yêu, chăm sóc, giúp đỡ nhau, cùng nhau chung xây cuộc sống, hạnh phúc gia đình, nhưng hiện nay anh B10 đi xuất khẩu lao động tại Nhật Bản, không liên lạc với chị T1 vợ chồng không có điều kiện gần gũi và không còn tình cảm, trách nhiệm với nhau.

Xét mâu thuẫn hai bên đã trầm trọng, tình cảm không còn, cuộc sống chung không còn tồn tại, mục đích hôn nhân không đạt được. Do đó, căn cứ Điều 51, Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình, chấp nhận cho chị T1 được ly hôn anh B.

[2.2]. Về con chung: Chị Hoàng Thị T1 và anh Lê Hữu B1 có 01 con chung là cháu Lê Hữu B8, sinh ngày 25/7/2013. Hiện nay anh B đang sinh sống ở nước ngoài, không có điều kiện chăm sóc con cái. Xét thấy việc giao con cho chị T1 trực tiếp nuôi dưỡng là hoàn toàn phù hợp, cháu B8 cũng có nguyện vọng xin được ở với mẹ nên chấp nhận yêu cầu của chị T1.

Về việc cấp dưỡng nuôi con chung: Chị T1 không yêu cầu nên anh B không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

[2.3]. Về tài sản, công nợ chung: Chị T1 không yêu cầu Tòa án giải quyết, Hội đồng xét xử không xem xét. Anh B không có văn bản thể hiện quan điểm giải quyết về tài sản chung, công nợ chung nên sau này nếu anh B yêu cầu thì có quyền khởi kiện bằng vụ án khác.

[3]. Về án phí: Chị T1 là nguyên đơn trong vụ án ly hôn nên phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm, nhưng được trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp.

[4]. Các đương sự có quyền kháng cáo bản án sơ thẩm theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ: Khoản 1 Điều 28; khoản 3 Điều 35; Điều 37; khoản 4 Điều 147, Điều 227, Điều 228, Điều 479 của Bộ luật tố tụng dân sự; khoản 1 Điều 51; 56; 58; 81; 82 và 83 Luật Hôn nhân và gia đình, điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Xử:

1. Chấp nhận đơn khởi kiện của chị Hoàng Thị T1.

- Về hôn nhân: Cho chị Hoàng Thị T1 được ly hôn anh Lê Hữu B1.
- Về con chung: Công nhận chị Hoàng Thị T2 anh Lê Hữu B11 01 con chung là cháu Lê Hữu B8, sinh ngày 25/7/2013. Giao cháu B8 cho chị Hoàng Thị T1 trực tiếp nuôi dưỡng. Anh B không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Anh B có quyền thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung không ai được cản trở.

- Về tài sản, công nợ chung: Các đương sự không yêu cầu, Tòa án không giải quyết.

2. Về án phí: Chị Hoàng Thị T1 phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm, được trừ vào số tiền 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí đã nộp theo Biên lai thu số 0000179 ngày 29/02/2024 của Cục Thi hành án dân sự tỉnh Thanh Hóa. Chị T1 đã nộp đủ tiền án phí.

3. Quyền kháng cáo: Chị Hoàng Thị T1 vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết hợp lệ theo quy định của pháp luật. Anh Lê Hữu B1 vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 01 tháng kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết hợp lệ theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:

- TAND cấp cao tại Hà Nội;
- VKSND tỉnh Thanh Hoá;
- Cục THADS tỉnh Thanh Hóa;
- UBND xã Hoàng Thành, huyện Hoàng Hóa;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trương Thị Anh